



MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 25

## CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy - VINAWACO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013.

#### **TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy ("gọi tắt là Tổng Công ty") là Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, được thành lập theo Quyết định số 1845/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải trên cơ sở phê duyệt phương án chuyển Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy sang tổ chức và hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con.

Công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp, có trách nhiệm kế thừa các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp và xử lý những vấn đề tồn tại và phát sinh của Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy trước khi chuyển đổi.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100202095, đăng ký lần đầu ngày 31/08/2010, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 24/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06/06/2013 với Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 194.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 40 Phùng Hưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy gồm có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

- Chi nhánh Tổng Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh, trụ sở tại số 18E3, đường Chu Văn An, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
- Công ty Nạo vét Đường biển I, trụ sở tại số 31 Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (Quyết định số 3127/QĐ - BGTVT ngày 18/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc sáp nhập nguyên trạng Công ty Nạo vét Đường biển I trở thành đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy).
- Công ty Sửa chữa Phương tiện thủy và Dịch vụ, được thành lập ngày 16 tháng 6 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0216000133 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 16 tháng 6 năm 2008.
- Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy tại Thành phố Vinh được thành lập theo Quyết định số 1264/QĐ-TCLĐ ngày 24/12/2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy. Chi nhánh Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế Chi nhánh số 0100202095-012, đăng ký lần đầu ngày 05/02/2010.

#### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng thành viên</b>	Ông Nguyễn Huy Hiền	Chủ tịch
	Ông Lưu Đình Tiến	Thành viên
	Ông Phạm Minh Hoàng	Thành viên
	Ông Nguyễn Vinh	Thành viên
	Ông Phạm Tiến Huy	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành trong kỳ hoạt động và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Lưu Đình Tiến	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Vinh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Huy Khôi	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Lệnh Công	Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY**

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



**Lưu Đình Tiến**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2013

Số. 553/2013/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013  
của Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy - VINAWACO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013, được lập ngày 22/8/2013 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy ("gọi tắt là Tổng Công ty") trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Hạn chế phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định tại thời điểm 30/6/2013. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng chưa giúp chúng tôi có được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định và các khoản mục khác có liên quan được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/6/2013 của Công ty mẹ - Tổng Công ty.

**Hạn chế trong xử lý kế toán**

Phương pháp xác định giá vốn dịch vụ nạo vét của Công ty Nạo vét Đường biển 1 đối với một số công trình đang thực hiện được ghi nhận chưa nhất quán dẫn đến giá vốn dịch vụ của Công ty trong kỳ chưa thể hiện sự phù hợp giữa khối lượng chi phí thực tế phát sinh hoàn thành đã được nghiệm thu liên quan đến doanh thu đã ghi nhận. Do không ước tính được ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong kỳ của việc áp dụng phương pháp tính giá thành nêu trên nên Chúng tôi không đưa ý kiến về khoản mục giá vốn của Công ty Nạo vét Đường biển 1 cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 và ảnh hưởng của nó tới các tài khoản có liên quan.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã nêu tại phần Hạn chế phạm vi kiểm toán và Hạn chế trong xử lý kế toán, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Lưu ý*

Theo Báo cáo của Tổng Công ty, tại thời điểm lập Báo cáo quyết toán, Tổng Công ty đã nghiệm thu xong với chủ đầu tư nhưng nhà thầu phụ chưa xuất hóa đơn, đến ngày 30/6/2013 Văn phòng đã trích trước vào chi phí công trình, dựa trên Biên bản nghiệm thu, xác nhận khối lượng với thầu phụ để phản ánh giá vốn tương ứng với doanh thu đã ghi nhận của các công trình.



**Đình Văn Thắng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2013-075-1  
 Thay mặt và đại diện  
**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**  
 Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.  
 Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2013

A handwritten signature in black ink, appearing to read "NTH", positioned above a horizontal line.

**Nguyễn Thị Mai Hoa**  
**Kiểm toán viên**  
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2013-075-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>741.276.656.645</b>	<b>849.845.270.419</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>22.945.872.840</b>	<b>68.461.504.923</b>
1. Tiền	111	5.1	22.945.872.840	68.461.504.923
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>877.779.627</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		877.779.627	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>473.397.562.512</b>	<b>547.709.448.322</b>
1. Phải thu khách hàng	131		292.018.975.958	402.316.767.256
2. Trả trước cho người bán	132		142.386.085.181	138.889.474.648
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	39.026.137.883	54.043.398.851
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(33.636.510)	(47.540.192.433)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>229.007.629.591</b>	<b>217.063.682.547</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.3	229.007.629.591	217.742.026.983
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.047.812.075</b>	<b>16.610.634.627</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		424.510.905	941.687.877
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.4	9.983.968.663	1.688.519.107
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	347.840.830	347.840.830
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	4.291.491.677	13.632.586.813
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+250+260)	<b>200</b>		<b>189.056.616.231</b>	<b>199.047.831.756</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>95.311.624.905</b>	<b>107.594.368.712</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	94.911.624.905	104.535.655.982
- Nguyên giá	222		303.964.543.075	308.957.681.737
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(209.052.918.170)	(204.422.025.755)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	21.417.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(21.417.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	400.000.000	3.058.712.730
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>89.211.330.000</b>	<b>85.131.330.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.8	27.759.060.000	27.759.060.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.9	29.173.530.000	29.173.530.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.10	32.278.740.000	28.198.740.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.533.661.326</b>	<b>6.322.133.044</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	4.533.661.326	6.322.133.044
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>930.333.272.876</b>	<b>1.048.893.102.175</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

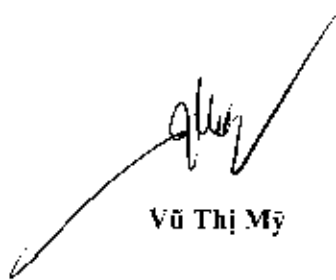
NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>865.236.163.967</b>	<b>917.907.356.605</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>799.556.123.841</b>	<b>844.132.212.075</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	161.688.392.510	194.515.138.107
2. Phải trả người bán	312		349.634.276.199	431.102.240.033
3. Người mua trả tiền trước	313		188.219.841.140	123.281.456.956
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	9.581.968.505	10.081.737.245
5. Phải trả người lao động	315		6.147.965.884	5.216.381.563
6. Chi phí phải trả	316	5.14	52.781.286.910	55.117.342.587
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	26.095.122.273	13.615.568.950
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		3.865.536.823	3.465.536.823
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.541.733.597	7.736.809.811
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>65.680.040.126</b>	<b>73.775.144.530</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.16	21.322.883.663	25.120.668.067
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	44.357.156.463	48.654.476.463
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>65.097.108.909</b>	<b>130.985.745.570</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>65.097.108.909</b>	<b>130.985.745.570</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		88.850.849.167	85.775.579.304
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.665.791.126	17.715.354.104
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.625.561.148	4.539.258.192
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(57.285.894.088)	10.863.029.562
12. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	422		8.240.801.556	12.092.524.408
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>930.333.272.876</b>	<b>1.048.893.102.175</b>

Người lập biểu



Hoàng Minh Đức

Kế toán trưởng



Vũ Thị Mỹ

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2013



Giám đốc

Lưu Đình Tiên



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	113.506.754.920
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.19	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	113.506.754.920
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	159.516.323.178
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(46.009.568.258)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	849.203.960
7. Chi phí tài chính	22	5.22	14.238.052.459
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		12.670.831.539
8. Chi phí bán hàng	24		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.758.034.299
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(80.156.451.056)
11. Thu nhập khác	31	5.23	62.605.867.549
12. Chi phí khác	32	5.23	38.013.170.121
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		24.592.697.428
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(55.563.753.628)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(55.563.753.628)

Người lập biểu



Hoàng Minh Đức

Kế toán trưởng



Vũ Thị Mỹ

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Lưu Đình Tiên

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

CHI TIẾT	MS	Kỳ hoạt động
		từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
	2	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(55.563.753.628)
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	02	9.624.428.041
- Các khoản dự phòng	03	(47.506.555.923)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.379.799.356)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.367.895.514)
- Chi phí lãi vay	06	12.670.831.539
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(83.522.744.841)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	104.330.668.317
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(11.265.602.608)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(14.244.324.346)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.305.648.690
- Tiền lãi vay đã trả	13	(12.799.890.803)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(142.863.149)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	8.324.400.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(141.800.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(7.156.508.740)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	2.354.826.367
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	63.570.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.477.779.627)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.080.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.304.324.605
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(1.235.057.746)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	120.324.662.172
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(157.448.727.769)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(37.124.065.597)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50	<b>(45.515.632.083)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>68.461.504.923</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	<b>22.945.872.840</b>

Người lập biểu



Hoàng Minh Đức

Kế toán trưởng



Vũ Thị Mỹ

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2013



Giám đốc

Lưu Đình Tiến

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy (“gọi tắt là Tổng Công ty”) là Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, được thành lập theo Quyết định số 1845/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải trên cơ sở phê duyệt phương án chuyển Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy sang tổ chức và hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con.

Công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp, có trách nhiệm kế thừa các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp và xử lý những vấn đề tồn tại và phát sinh của Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy trước khi chuyển đổi.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100202095, đăng ký lần đầu ngày 31/08/2010, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 24/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06/06/2013 với Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 194.000.000.000 đồng.

**Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Văn phòng Tổng Công ty**

**Chi nhánh Tổng Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh (VINAWACO số 1)**

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị kinh tế hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy được thành lập theo Quyết định số 622/1999/QĐ-TCT-TC-LĐ ngày 02 tháng 7 năm 1999 của Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy.

Chi nhánh hoạt động theo Giấy phép trú đóng và hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh số 2123/UB-GP ngày 13 tháng 9 năm 1999 của UBND thành phố Hồ Chí Minh; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị kinh tế trực thuộc (hạch toán kinh tế phụ thuộc) lần 1 số 312281 ngày 15 tháng 9 năm 1999, đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 07 tháng 6 năm 2002.

Chi nhánh có trụ sở chính: số 18E3, đường Chu Văn An, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

**Công ty Nạo vét Đường biển 1 (VINAWACO số 2)**

Công ty Nạo vét Đường Biển 1 là đơn vị kinh tế trực thuộc Doanh nghiệp Nhà nước là Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy, được thành lập theo Quyết định số 133/QĐ-TCT-TCIĐ ngày 15/02/2008 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy về việc thành lập đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0216000114 ngày 03/03/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 05/07/2008. Công ty hoạt động theo sự ủy quyền của Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy.

Trụ sở chính của Công ty tại số 33 Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

**Công ty Sửa chữa Phương tiện thủy và Dịch vụ (VINAWACO số 3)**

Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy - Công ty Sửa chữa Phương tiện thủy và Dịch vụ được thành lập ngày 16 tháng 6 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0216000133 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 16 tháng 6 năm 2008, trên cơ sở tách chuyển nguyên trạng Xí nghiệp Cơ khí thuộc Công ty Nạo vét Đường biển 1 (nay là Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy - Công ty Nạo vét đường biển 1).

Công ty có trụ sở chính tại số 4/215 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÀU B 09-DN

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Văn phòng Tổng Công ty (Tiếp theo)

*Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy tại thành phố Vinh (VINAWACO số 4)*

Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy tại Thành phố Vinh được thành lập theo Quyết định số 1264/QĐ-TCLĐ ngày 24/12/2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy. Chi nhánh Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế Chi nhánh số 0100202095-012, đăng ký lần đầu ngày 05/02/2010.

Trụ sở chính của Chi nhánh tại Số 60, đường Lê Hồng Phong, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xây dựng công trình giao thông đường thủy trong và ngoài nước
- Xây dựng đường hầm, hầm kỹ thuật ngầm dưới đất, qua sông;
- Nạo vét, phun hút tạo bãi, san lấp mặt bằng các công trình (giao thông, thủy lợi, thủy sản, quốc phòng, đường bộ, công nghiệp);
- Sản xuất và thi công lắp đặt các hệ thống phao tiêu báo hiệu, biển báo, trạm đèn hải đăng báo đảm giao thông đường bộ, đường sông, đường biển;
- Và một số ngành nghề khác..

Hoạt động chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty trong kỳ: Nạo vét và xây dựng các công trình giao thông đường thủy, sửa chữa phương tiện thủy.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KÝ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc và trình bày Báo cáo tài chính.

**Năm tài chính/Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013



**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực Kế toán áp dụng**

Công ty mẹ - Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013.

Ngày 25 tháng 04 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") quy định về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 203"). Thông tư 45 có hiệu lực từ ngày 10 tháng 06 năm 2013 và được áp dụng từ năm tài chính 2013. Thông tư 45 có một trong những thay đổi cơ bản so với Thông tư 203 là quy định về tiêu chuẩn và nhận biết tài sản cố định có nguyên giá với giá trị từ 30.000.000 đồng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng giao dịch thanh toán. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (quý, bán niên, năm), được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có số dư gốc ngoại tệ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

**Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi công nợ của Tổng Công ty và theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**6 tháng đầu năm 2013**  
Số năm

Nhà cửa vật kiến trúc	30 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	06 - 10
Dụng cụ quản lý	03 - 05

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết, đầu tư khác**

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của Công ty Mẹ vào Công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Công ty Mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo của Công ty Mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) Công ty con. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền kiểm soát, quyền đưa ra ý kiến, tham gia ý kiến có tính chất quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Công ty liên kết là khoản đầu tư của Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không dưới dạng là Công ty con hay Công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được theo dõi dựa trên các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập.

Đầu tư khác là các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Tổng Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng không trọng yếu và được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản nợ và chi phí phát sinh liên quan đến việc đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh, đầu tư khác được hạch toán theo quy định hiện hành. Phần thu nhập được hạch toán tại thời điểm có phát sinh.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp thì khoản chênh lệch này được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Vì vậy, lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

5.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	30/6/2013	01/01/2013
		VND	VND
	Tiền mặt	718.673.133	1.037.920.438
	Tiền gửi ngân hàng	22.227.199.707	67.423.584.485
	<b>Tổng</b>	<b>22.945.872.840</b>	<b>68.461.504.923</b>
5.2	Phải thu ngắn hạn	30/6/2013	01/01/2013
		VND	VND
	Phải thu cổ phần hóa	6.775.926.049	10.702.223.673
	Phải thu BHXH người lao động	84.029.400	475.770.459
	Các khoản phải thu khác	31.790.384.118	42.782.470.167
	<i>Phải thu cổ tức</i>	<i>4.413.924.865</i>	<i>8.771.009.765</i>
	<i>Phải thu thanh lý tài sản cố định</i>	<i>-</i>	<i>8.725.000.000</i>
	<i>Bảo lãnh các công trình</i>	<i>3.728.230.200</i>	<i>3.728.230.200</i>
	<i>Công ty Mua bán Nợ Việt Nam</i>	<i>2.988.000.000</i>	<i>-</i>
	<i>Đền bù thiệt hại hoa màu xã Trần Châu</i>	<i>130.318.815</i>	<i>-</i>
	<i>Phải thu các đoàn tàu</i>	<i>19.548.159.738</i>	<i>16.762.036.228</i>
	<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>981.750.500</i>	<i>4.796.193.974</i>
	Phải thu người lao động	375.798.316	82.934.552
	<b>Tổng</b>	<b>39.026.137.883</b>	<b>54.043.398.851</b>
5.3	Hàng tồn kho	30/6/2013	01/01/2013
		VND	VND
	Nguyên liệu, vật liệu	36.085.110.100	31.824.478.850
	Công cụ, dụng cụ	2.536.230.302	3.098.348.907
	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	190.386.289.189	182.819.199.226
	<b>Tổng</b>	<b>229.007.629.591</b>	<b>217.742.026.983</b>
5.4	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ và các khoản phải thu Nhà nước	30/6/2013	01/01/2013
		VND	VND
	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	9.983.968.663	1.688.519.107
	Các khoản khác phải thu Nhà nước	347.840.830	347.840.830
	<b>Tổng</b>	<b>10.331.809.493</b>	<b>2.036.359.937</b>

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY**  
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.5 Tài sản ngắn hạn khác**

	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng	4.284.115.304	5.354.210.440
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.376.373	8.278.376.373
<b>Tổng</b>	<b>4.291.491.677</b>	<b>13.632.586.813</b>

**5.6 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2013	18.627.939.344	101.182.598.229	185.273.098.099	3.874.046.065	308.957.681.737
Tăng trong kỳ	-	203.800.000	-	100.086.363	303.886.363
Mua trong kỳ	-	203.800.000	-	100.086.363	303.886.363
Giảm trong kỳ	-	1.691.166.720	528.006.234	3.077.852.071	5.297.025.025
Thanh lý, nhượng bán	-	1.076.630.327	312.661.052	185.293.010	1.574.584.389
Giảm theo TT 45/2013	-	614.536.393	215.345.182	2.892.559.061	3.722.440.636
Số dư tại 30/6/2013	<b>18.627.939.344</b>	<b>99.695.231.509</b>	<b>184.745.091.865</b>	<b>896.280.357</b>	<b>303.964.543.075</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2013	8.935.929.230	51.627.265.247	140.305.171.018	3.553.660.260	204.422.025.755
Tăng trong kỳ	369.947.064	7.603.910.151	1.526.865.602	123.705.224	9.624.428.041
Khấu hao trong kỳ	369.947.064	7.603.910.151	1.526.865.602	123.705.224	9.624.428.041
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	1.634.589.303	504.469.510	2.854.476.813	4.993.535.626
Thanh lý, nhượng bán	-	1.076.630.327	312.661.052	180.714.497	1.570.005.876
Giảm theo TT 45/2013	-	557.958.976	191.808.458	2.673.762.316	3.423.529.750
Số dư tại 30/6/2013	<b>9.305.876.294</b>	<b>57.596.586.095</b>	<b>141.327.567.110</b>	<b>822.888.671</b>	<b>209.052.918.170</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2013	9.692.010.114	49.555.332.982	44.967.927.081	320.385.805	104.535.655.982
Tại 30/6/2013	<b>9.322.063.050</b>	<b>42.098.645.414</b>	<b>43.417.524.755</b>	<b>73.391.686</b>	<b>94.911.624.905</b>
Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:					44.533.183.846
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					24.746.014.158

**5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
Trụ sở Công ty Nạo vét Đường Biển I	400.000.000	400.000.000
Sửa chữa tàu thủy của Công ty Nạo vét Đường biển I	-	2.658.712.730
<b>Tổng</b>	<b>400.000.000</b>	<b>3.058.712.730</b>

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY**  
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.8 Đầu tư vào Công ty con**

	30/6/2013		01/01/2013	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Công ty CP Công trình Vận tải	265.210	2.652.100.000	265.210	2.652.100.000
Công ty CP Công trình Đường thủy	885.696	8.856.960.000	885.696	8.856.960.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhân lực Việt Nam	1.625.000	16.250.000.000	1.625.000	16.250.000.000
<b>Tổng</b>	<b>2.775.906</b>	<b>27.759.060.000</b>	<b>2.775.906</b>	<b>27.759.060.000</b>

*Thông tin về các công ty con*

Công ty	Ngành nghề	Tỷ lệ % sở hữu	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty CP Công trình Vận tải	XD công trình	51,00%	2.652.100.000	2.652.100.000
Công ty CP Công trình Đường thủy	XD công trình đường thủy	50,8%	8.856.960.000	8.856.960.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhân lực Việt Nam	Xuất khẩu lao động và Thương mại	65,00%	16.250.000.000	16.250.000.000
<b>Tổng</b>			<b>27.759.060.000</b>	<b>27.759.060.000</b>

**5.9 Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	30/6/2013		01/01/2013	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Nạo vét Đường Thủy	1.080.000	10.800.000.000	1.080.000	10.800.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Đường thủy	240.200	2.402.000.000	240.200	2.402.000.000
Công ty CP Thi công Cơ giới và Dịch vụ	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
Công ty CP ĐT Nạo vét và Xây dựng Đường thủy	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
Công ty CP Công trình Giao thông Miền Trung	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng biển	785.528	1.963.820.000	785.528	1.963.820.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại VINAWACO 25	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng VINAWACO 18	200.771	2.007.710.000	200.771	2.007.710.000
<b>Tổng</b>	<b>3.506.499</b>	<b>29.173.530.000</b>	<b>3.506.499</b>	<b>29.173.530.000</b>

**5.9 Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết (Tiếp theo)**

*Thông tin về các công ty liên doanh, liên kết*

Công ty	Ngành nghề	Tỷ lệ % sở hữu	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Nạo vét Đường Thủy	Nạo vét và Xây dựng	36%	10.800.000.000	10.800.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Đường thủy	Nạo vét và Xây dựng	33%	2.402.000.000	2.402.000.000
Công ty CP Thi công Cơ giới và Dịch vụ	Nạo vét và Xây dựng	24%	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP ĐT Nạo vét và Xây dựng Đường thủy	Nạo vét và Xây dựng	30%	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty CP Công trình Giao thông Miền Trung	XD công trình	30%	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng biển	XD công trình	39%	1.963.820.000	1.963.820.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại VINAWACO 25	XD công trình	30%	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng VINAWACO 18	XD công trình	20%	2.007.710.000	2.007.710.000
<b>Tổng</b>			<b>29.173.530.000</b>	<b>29.173.530.000</b>

**5.10 Đầu tư dài hạn khác**

	30/6/2013		01/01/2013	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Công ty Cổ phần BOT Thanh Hóa	1.370.000	13.700.000.000	1.370.000	13.700.000.000
Công ty CP ĐT & PT Kinh tế Việt Nam	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần MCO Việt Nam	470.674	4.706.740.000	470.674	4.706.740.000
Công ty CP Đầu tư Bé tổng Công nghệ cao	255.000	2.550.000.000	255.000	2.550.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Xây lắp	60.000	600.000.000	60.000	600.000.000
Công ty CP Xây dựng Đường thủy 9	116.000	1.160.000.000	116.000	1.160.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công trình đường thủy 2	298.200	2.982.000.000	298.200	2.982.000.000
Công ty Cổ phần Nạo vét Xây dựng đường Biển 2	408.000	4.080.000.000	-	-
	<b>3.227.874</b>	<b>32.278.740.000</b>	<b>2.819.874</b>	<b>28.198.740.000</b>

**5.11 Chi phí trả trước dài hạn**

Kỳ hoạt động  
 từ 01/01/2013  
 đến 30/6/2013  
**VND**

Tại ngày 01 tháng 01		6.322.133.044
Tăng		2.416.435.540
Phân bổ vào chi phí trong kỳ		4.204.907.258
Tại ngày 30 tháng 6		<b>4.533.661.326</b>
	<b>30/6/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	4.344.539.264	6.322.133.044
Chi phí công cụ dụng cụ phân bổ	189.122.062	-
<b>Tổng</b>	<b>4.533.661.326</b>	<b>6.322.133.044</b>

**5.12 Vay và nợ ngắn hạn**

**30/6/2013**  
**VND**

**01/01/2013**  
**VND**

<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>161.688.392.510</b>	<b>194.515.138.107</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	109.308.274.756	105.747.070.286
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nội	45.042.259.890	59.184.065.564
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm	6.255.092.131	28.463.768.243
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Đắc Lắc	-	31.734.014
Vay cá nhân	1.082.765.733	1.088.500.000
<b>Tổng</b>	<b>161.688.392.510</b>	<b>194.515.138.107</b>

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**30/6/2013**  
**VND**

**01/01/2013**  
**VND**

Thuế giá trị gia tăng	8.753.925.314	9.265.353.894
Thuế thu nhập doanh nghiệp	319.203.077	462.066.226
Thuế thu nhập cá nhân	218.949.114	294.779.356
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	289.891.000	59.537.769
<b>Tổng</b>	<b>9.581.968.505</b>	<b>10.081.737.245</b>

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.14 Chi phí phải trả**

	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí lãi vay	372.609.938	501.669.202
Khối lượng của nhà thầu phụ chưa quyết toán	47.629.815.272	48.454.344.336
Công ty TNHH Phú Lê Huy	-	5.162.769.000
Chi phí phải trả khác	-	998.560.049
Tiền thuê đất	317.479.000	-
Trích trước lương, tiền ăn ca	117.171.500	-
Chi phí tiêu hủy vật tư hư hỏng	3.000.000	-
Trích trước tiền thuê nhà	4.341.211.200	-
<b>Tổng</b>	<b>52.781.286.910</b>	<b>55.117.342.587</b>

**5.15 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
Kinh phí công đoàn	941.674.435	1.487.600.059
Bảo hiểm xã hội	8.853.021.304	7.456.650.835
Bảo hiểm y tế	-	51.731.716
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.300.426.534	4.596.904.870
<i>Phải trả NLD về tạm ứng</i>	<i>93.531.846</i>	<i>342.965.627</i>
<i>Phải trả tiền lao động dôi dư các đơn vị</i>	<i>3.376.000.979</i>	-
<i>Phải trả về trợ cấp mất việc làm</i>	-	1.321.055.414
<i>Phải trả Xi nghiệp thi công cơ giới</i>	-	1.068.762.439
<i>Lãi vay huy động vốn CBCNV</i>	<i>10.130.972</i>	-
<i>Phạt chậm nộp thuế</i>	<i>712.832.492</i>	-
<i>Trợ cấp tiền tết nguyên đán 2013 cho CBCNV chi nhánh TCT</i>	<i>10.000.000</i>	-
<i>Phải trả các đội tàu</i>	<i>155.292.155</i>	-
<i>Phải trả tạm ứng</i>	<i>3.475.202</i>	-
<i>Thanh tra tỉnh Bình Định</i>	<i>76.052.000</i>	-
<i>Thu BHXH, BHYT, BHTN của NLD</i>	<i>16.496.851</i>	-
<i>Công ty Nạo vét Đường biển 2</i>	<i>359.585.648</i>	-
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>11.487.028.389</i>	<i>1.864.121.390</i>
Bảo hiểm thất nghiệp	-	22.681.470
<b>Tổng</b>	<b>26.095.122.273</b>	<b>13.615.568.950</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

5.16 Phải trả dài hạn khác	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
Nhận đền bù GPMB tại TP Hồ Chí Minh (*)	13.523.988.461	13.381.360.000
Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Hải Phòng	7.252.276.237	
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng Nguyễn Thị Huệ	-	4.731.969.916
Phải trả CBCNV Chi nhánh (Trợ cấp mất việc làm)	22.749.854	-
Phải trả CBNV thuế TNCN nộp thừa	403.580.472	-
Phải trả dài hạn khác	120.288.639	-
	-	7.007.338.151
<b>Tổng</b>	<b>21.322.883.663</b>	<b>25.120.668.067</b>

(\*): Nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi di dời Công ty Nạo vét Đường thủy 2 từ Ban bồi thường GPMB quận Bình Thạnh trong Dự án xây dựng Cầu Thủ Thiêm và chỉnh trang đô thị trên địa bàn quận Bình Thạnh.

5.17 Vay và nợ dài hạn	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	11.181.988.016	13.381.988.016
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm	1.797.351.500	3.594.671.500
Quỹ Hỗ trợ phát triển Hải Phòng	31.377.816.947	31.677.816.947
<b>Tổng</b>	<b>44.357.156.463</b>	<b>48.654.476.463</b>

Hợp đồng tín dụng Trung Dài hạn số 394.10.057.301562.TD ngày 13/12/2010, hạn mức tối đa là 10 tỷ đồng.

Mục đích vay: Sửa chữa nâng cấp, phục hồi tàu Long Châu, số đăng ký VN-404-HP và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp nhận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân của khoản vay có liên quan.

Ngày đáo hạn cuối cùng: 36 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên

Vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/2009/HDTĐH, ngày 30/12/2009, tổng số tiền vay: 32.669.857.000 đồng.

Mục đích sử dụng tiền vay: thực hiện dự án " Dự án đầu tư dây chuyền thiết bị đóng cọc dưới nước"

Thời hạn vay: 72 tháng kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên

Lãi suất: Áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 03 tháng/ lần kể từ ngày ký hợp đồng. Mức hỗ trợ lãi suất: 4%/năm, tính trên số tiền vay và thời hạn cho vay thực tế, tối đa là 24 tháng, nằm trong khoảng thời gian từ 01/4/2009 đến 31/12/2011.

Bảo đảm tiền vay:

- + Thẻ chấp tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có
- + Đảm bảo bằng tàu kéo 1200 CV
- + Đảm bảo bằng 100% các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Tổng Công ty và các đối tác khác
- + Đảm bảo bằng 100% tiền gửi tại Ngân hàng ĐT&PT và các tổ chức tín dụng khác.

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

5.18 **Vốn chủ sở hữu**

**Biến Động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ hỗ trợ sáp nhập doanh nghiệp	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	82.315.556.064	14.339.279	15.482.715.636	3.327.908.029	18.312.828.562	13.753.115.267	133.206.462.837
Tăng trong năm	3.460.023.240	-	2.232.638.468	1.211.350.163	5.872.737.346	124.741.600	12.901.490.817
Phân phối lợi nhuận	3.460.023.240	-	2.232.638.468	1.211.350.163	-	-	6.904.011.871
Lợi nhuận	-	-	-	-	5.872.737.346	-	5.872.737.346
Thu cổ phần hóa	-	-	-	-	-	-	-
<b>Giảm trong năm</b>	-	14.339.279	-	-	-	124.741.600	124.741.600
Chênh lệch tỷ giá	-	14.339.279	-	-	13.322.536.346	1.785.332.459	15.122.208.084
Chi giải quyết lao động dôi dư	-	-	-	-	-	-	14.339.279
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	1.785.332.459	1.785.332.459
Chi từ lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	12.113.501.629	-	12.113.501.629
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	85.775.579.304	-	17.715.354.104	4.539.258.192	10.863.029.562	12.092.524.408	130.985.745.570
<b>Số dư tại 01/01/2013</b>	85.775.579.304	-	17.715.354.104	4.539.258.192	10.863.029.562	12.092.524.408	130.985.745.570
Tăng trong kỳ	3.275.269.863	-	1.950.437.022	1.086.302.956	(55.404.923.746)	-	(49.092.913.905)
Phân phối lợi nhuận	3.275.269.863	-	1.950.437.022	1.086.302.956	-	-	6.312.009.841
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(55.563.753.628)	-	(55.563.753.628)
Tăng khác	-	-	-	-	158.829.882	-	158.829.882
<b>Giảm trong kỳ</b>	200.000.000	-	-	-	12.743.999.904	3.851.722.852	16.795.722.756
Điều chỉnh giám vốn	200.000.000	-	-	-	-	475.721.873	675.721.873
Giảm khác	-	-	-	-	1.880.970.344	-	1.880.970.344
Chi giải quyết lao động dôi dư	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	3.376.000.979	3.376.000.979
<b>Số dư tại 30/6/2013</b>	88.850.849.167	-	19.665.791.126	5.625.561.148	10.863.029.560	-	10.863.029.560
					(57.285.894.088)	8.240.801.556	65.097.108.909

Đơn vị tính: VND

MÀU B 09-DN



**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY**  
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.19 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Kỳ hoạt động  
 từ 01/01/2013  
 đến 30/6/2013  
**VND**

Doanh thu xây dựng, nạo vét	104.849.773.569
Doanh thu cho thuê	875.818.181
Doanh thu sửa chữa	3.276.139.952
Doanh thu cung cấp dịch vụ	263.067.273
Doanh thu bán nguyên vật liệu	4.241.955.945
<b>Tổng</b>	<b>113.506.754.920</b>

**5.20 Giá vốn hàng bán**

Kỳ hoạt động  
 từ 01/01/2013  
 đến 30/6/2013  
**VND**

Giá vốn xây dựng, nạo vét	152.324.308.565
Giá vốn cho thuê	45.895.455
Giá vốn sửa chữa	2.687.124.946
Giá vốn cung cấp dịch vụ	217.038.267
Giá vốn bán nguyên vật liệu	4.241.955.945
<b>Tổng</b>	<b>159.516.323.178</b>

**5.21 Doanh thu hoạt động tài chính**

Kỳ hoạt động  
 từ 01/01/2013  
 đến 30/6/2013  
**VND**

Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.304.324.605
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.245.958.000)
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	411.037.999
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.379.799.356
<b>Tổng</b>	<b>849.203.960</b>

**5.22 Chi phí hoạt động tài chính**

Kỳ hoạt động  
 từ 01/01/2013  
 đến 30/6/2013  
**VND**

Chi phí lãi vay	12.670.831.539
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	972.699.797
Chi phí hoạt động tài chính khác	594.521.123
<b>Tổng</b>	<b>14.238.052.459</b>

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09-DN

**5.23 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
<b>Thu nhập khác</b>	
Thu thanh lý tài sản	63.570.909
Thu từ cho thuê văn phòng	90.909.091
Thu bán khoản nợ của Công ty Công trình 86	2.988.000.000
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	46.785.241.756
Thu nhập khác/ Điều chỉnh số dư công nợ	2.402.279.587
Thu phạt chậm thanh toán	3.829.666.908
Tiền hỗ trợ đến bù giải phóng mặt bằng	4.731.969.916
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	890.000.000
Hoàn nhập quỹ dự phòng TCMVL	824.229.382
<b>Tổng</b>	<b>62.605.867.549</b>
<b>Chi phí khác</b>	
Chi phí bán khoản nợ Công ty Công trình 86	35.489.786.929
Chi phí phạt do chậm tiến độ HĐ	402.513.836
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	4.578.513
Chênh lệch hàng tồn kho theo kiểm kê	269.036.554
Phạt chậm nộp thuế và bảo hiểm	67.979.444
Chênh lệch Biên bản đối chiếu công nợ	1.471.389.132
Chi phí khác	307.885.713
<b>Tổng</b>	<b>38.013.170.121</b>
<b>Thu nhập khác thuần</b>	<b>24.592.697.428</b>

**5.24 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền Tổng Công ty nắm giữ nhưng không được phép sử dụng**

Trong tổng số tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/6/2013 có 13.523.988.461 đồng là tiền hỗ trợ về đất theo duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi di dời Công ty Nạo vét đường thủy 2 trong Dự án Đầu tư Xây dựng cầu Thủ Thiêm và chỉnh trang đô thị trên địa bàn quận Bình Thạnh theo Quyết định số 10722/QĐ-STC-BVG của Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 26/12/2005. Số tiền này được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước thành phố do đại diện chủ sở hữu của Công ty Nạo vét đường thủy 2 - Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy làm chủ tài khoản. Nếu Công ty Nạo vét đường thủy 2 có nhu cầu sử dụng nguồn tiền này thì lập dự án đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Công ty mẹ - Tổng Công ty không trình bày giao dịch và số dư với bên liên quan

**6.2 Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia VJA với ý kiến kiểm toán chấp nhận từng phần.

Người lập biểu



Hoàng Minh Đức

Kế toán trưởng



Vũ Thị Mỹ

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2013



Tổng Giám đốc

Lưu Đình Tiến

